

BỘ Y TẾ**BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2014/TT-BYT

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2014

THÔNG TƯ**Hướng dẫn thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế**

Căn cứ Luật số 03/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 về Phòng, chống bệnh truyền nhiễm;

Căn cứ Nghị định số 103/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới;

Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng;

Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư hướng dẫn thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế.

Chương I**NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ, HÌNH THỨC, NỘI DUNG,
QUY TRÌNH VÀ THỜI GIAN THÔNG TIN, BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ****Điều 1. Nguyên tắc thông tin, báo cáo**

1. Bảo đảm tính chính xác, đầy đủ, kịp thời và trung thực.
2. Bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và theo các mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Cơ quan thực hiện báo cáo

1. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) bao gồm: Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế và Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh có thực hiện hoạt động kiểm dịch y tế.

2. Viện khu vực bao gồm: Viện Vệ sinh dịch tễ trung ương, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh, Viện Pasteur Nha Trang và Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên.

Điều 3. Chế độ, hình thức thông tin, báo cáo

1. Chế độ báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ gồm: báo cáo tuần, báo cáo tháng, báo cáo sáu tháng, chín tháng và báo cáo năm;

b) Báo cáo đột xuất:

- Phát hiện trường hợp nghi ngờ, mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A tại khu vực cửa khẩu (Tên bệnh theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư này);

- Phát hiện sự kiện liên quan đến phóng xạ, hóa chất, sinh học và các yếu tố nguy cơ khác có khả năng gây tình trạng khẩn cấp ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng tại khu vực cửa khẩu (sau đây gọi tắt là sự kiện khẩn cấp ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng).

c) Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

2. Hình thức thông tin, báo cáo:

Báo cáo được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng phần mềm báo cáo. Trường hợp báo cáo đột xuất có thể thực hiện thông qua fax, thư điện tử, điện thoại hoặc báo cáo trực tiếp sau đó phải gửi báo cáo bằng văn bản trong vòng 24 giờ.

Điều 4. Nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo

1. Báo cáo định kỳ:

a) Đối với tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tỉnh:

- Báo cáo tuần: nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo tháng: nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo sáu tháng, báo cáo chín tháng: nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

- Báo cáo năm: nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Đối với Viện khu vực: Thực hiện việc báo cáo sáu tháng, báo cáo năm theo nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo quy định tại Phụ lục 6 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo đột xuất:

a) Báo cáo trường hợp nghi ngờ, mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A phát hiện tại khu vực cửa khẩu: nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 7 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo các sự kiện khẩn cấp ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng: nội dung và chỉ số thông tin, báo cáo thực hiện theo quy định tại Phụ lục 8 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan cấp trên: nội dung và chỉ số theo yêu cầu của cơ quan cấp trên.

Điều 5. Quy trình thông tin, báo cáo

1. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tỉnh thông tin, báo cáo về Cục Y tế dự phòng, Viện khu vực thuộc địa bàn phụ trách đồng thời gửi thông tin, báo cáo cho Sở Y tế.

Trung tâm Kiểm dịch y tế quốc tế tỉnh khi phát hiện trường hợp nghi ngờ hoặc mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A tại khu vực cửa khẩu ngoài việc thực hiện thông tin, báo cáo về Cục Y tế dự phòng, Viện khu vực thuộc địa bàn phụ trách và Sở Y tế còn phải thông báo cho Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh.

2. Viện khu vực:

a) Đối với báo cáo định kỳ:

- Tiếp nhận, phân tích, phản hồi thông tin, báo cáo của tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tỉnh thuộc địa bàn phụ trách;

- Thực hiện báo cáo sáu tháng, báo cáo năm về Cục Y tế dự phòng;

b) Đối với báo cáo đột xuất: tiếp nhận, đánh giá, xác minh thông tin, báo cáo đột xuất từ tổ chức kiểm dịch y tế biên giới của các tỉnh thuộc địa bàn phụ trách và báo cáo về Cục Y tế dự phòng.

Điều 6. Thời gian thông tin, báo cáo

1. Tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tỉnh có trách nhiệm thông tin, báo cáo theo thời gian sau:

a) Báo cáo tuần (số liệu được tính trong 7 ngày, từ 00h00 ngày thứ hai đến 24h00 ngày chủ nhật của tuần báo cáo): báo cáo trước 14h00 ngày thứ năm tuần kế tiếp;

b) Báo cáo tháng (số liệu được tính từ 00h00 ngày đầu tiên đến 24h00 ngày cuối cùng của tháng báo cáo): báo cáo trước ngày 15 của tháng kế tiếp;

c) Báo cáo sáu tháng (số liệu được tính từ 00h00 ngày đầu tiên của năm đến 24h00 ngày cuối cùng của tháng 6): báo cáo trước ngày 15 tháng 7 của năm báo cáo;

d) Báo cáo chín tháng (số liệu được tính từ 00h00 ngày đầu tiên của năm đến 24h00 ngày cuối cùng của tháng 9): báo cáo trước ngày 15 tháng 10 của năm báo cáo;

đ) Báo cáo năm (số liệu được tính từ 00h00 ngày đầu tiên của năm đến 24h00 ngày cuối cùng của năm báo cáo): báo cáo trước ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp;

e) Báo cáo trường hợp nghi ngờ, mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A và các sự kiện khẩn cấp ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng tại khu vực cửa khẩu theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 Thông tư này;

g) Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan cấp trên: thời gian do cơ quan cấp trên yêu cầu.

2. Viện khu vực có trách nhiệm báo cáo theo thời gian sau:

a) Báo cáo sáu tháng (số liệu được tính từ 00h00 ngày đầu tiên của năm đến 24h00 ngày cuối cùng của tháng 6): báo cáo trước ngày 20 tháng 7 của năm báo cáo;

b) Báo cáo năm (số liệu được tính từ 00h00 ngày đầu tiên của năm đến 24h00 ngày cuối cùng của năm báo cáo): báo cáo trước ngày 20 tháng 01 của năm kế tiếp;

c) Báo cáo đột xuất: báo cáo trong vòng 24h sau khi nhận được thông tin từ tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tỉnh;

d) Báo cáo theo yêu cầu của cơ quan cấp trên: thời gian do cơ quan cấp trên yêu cầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của Cục Y tế dự phòng

1. Chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện việc thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế trên phạm vi toàn quốc.

2. Tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế trên phạm vi toàn quốc.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế trên phạm vi toàn quốc.

4. Phối hợp chia sẻ thông tin về hoạt động kiểm dịch y tế với các Bộ, ngành, các cơ quan truyền thông đại chúng và quốc tế theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của Viện khu vực

1. Hướng dẫn, giám sát, đánh giá việc thực hiện thông tin, báo cáo của tổ chức kiểm dịch y tế biên giới tỉnh thuộc khu vực phụ trách.

2. Xác minh, tổng hợp, phân tích và đánh giá hoạt động của tổ chức kiểm dịch y tế tỉnh thuộc khu vực phụ trách.

3. Phối hợp và chia sẻ thông tin hoạt động kiểm dịch y tế giữa các Viện khu vực.

Điều 9. Trách nhiệm của Sở Y tế

Sở Y tế có trách nhiệm kiểm tra, chỉ đạo, đôn đốc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động kiểm dịch y tế theo đúng quy định.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2014.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) để xem xét giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Thanh Long

Phụ lục 1**TÊN BỆNH TRUYỀN NHIỄM NHÓM A**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên bệnh
1	Bại liệt (Acute Poliomyelitis)
2	Cúm A/H5N1 (Influenza A/H5N1)
3	Cúm A/H7N9 (Influenza A/H7N9)
4	Dịch hạch (Plague)
5	Đậu mùa (Smallpox)
6	Sốt xuất huyết do vi rút Ê-bô-la (Ebola), Lát sa (Lassa), Mác-bóc (Marburg)
7	Sốt Tây sông Nin (West Nile Fever)
8	Sốt vàng (Yellow Fever)
9	Tả (Cholera)
10	Bệnh viêm đường hô hấp cấp nặng do vi rút (Severe Acute Respiratory Syndrome - SARS)
11	Các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm mới phát sinh chưa rõ tác nhân gây bệnh

Phụ lục 2
MẪU BÁO CÁO TUẦN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
SỞ Y TẾ ...
TRUNG TÂM...
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...
 ..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ TUẦN THỨ...
 (Từ ngày... tháng... năm... đến ngày... tháng... năm...)

1. Kiểm dịch y tế đối với người

STT	Tên cửa khẩu		Số kiểm tra (lượt)		Số phát xử lý y tế và áp dụng biện pháp dự phòng (lượt)	Ghi chú
	(1)		Tổng số	Số nghi ngờ, mắc bệnh		
1	Nhập cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
	Xuất cảnh	Tổng số				
...	Quá cảnh	Cộng dồn				
	Nhập cảnh	Tổng số				
	Xuất cảnh	Cộng dồn				
...	Quá cảnh	Tổng số				
	Nhập cảnh	Cộng dồn				
	Xuất cảnh	Tổng số				
Tổng số	Quá cảnh	Tổng số				
	Nhập cảnh	Cộng dồn				
	Xuất cảnh	Tổng số				
	Quá cảnh	Cộng dồn				
		Tổng số				
		Cộng dồn				

(5): ghi rõ số lượng nghi ngờ, mắc bệnh tại cột (3) theo tên bệnh.

2. Kiểm dịch y tế đối với phương tiện

STT	Tên cửa khẩu	Phương tiện hàng không (lượt)			Phương tiện đường bộ (lượt)			Phương tiện đường thủy (lượt)			Phương tiện đường sắt (lượt)			Ghi chú
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nhập cảnh Tổng số Cộng dồn													
...	Xuất cảnh Tổng số Cộng dồn													
...	Quá cảnh Tổng số Cộng dồn													
...	Nhập cảnh Tổng số Cộng dồn													
...	Xuất cảnh Tổng số Cộng dồn													
...	Quá cảnh Tổng số Cộng dồn													
	Nhập cảnh Tổng số Cộng dồn													
	Xuất cảnh Tổng số Cộng dồn													
	Quá cảnh Tổng số Cộng dồn													

(14): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

3. Các hoạt động khác (nếu có):

4. Nhận xét:

Nơi nhận:

- Cục Y tế dự phòng;
- Viện ...;
- Sở Y tế...;
- Lưu:....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 3
MẪU BÁO CÁO THÁNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ Y TẾ...

TRUNG TÂM...

Số:./....

..., ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ THÁNG...

1. Kiểm dịch y tế đối với người

STT	Tên cửa khẩu		Số kiểm tra (lượt)		Số phải xử lý y tế và áp dụng biện pháp dự phòng (lượt)	Ghi chú
			Tổng số	Số nghi ngờ, mắc bệnh		
	(1)		(2)	(3)	(4)	(5)
1	Nhập cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
	Xuất cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
...	Quá cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
	Nhập cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
...	Xuất cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
	Quá cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
Tổng số	Nhập cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
	Xuất cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				
	Quá cảnh	Tổng số				
		Cộng dồn				

(5): ghi rõ số lượng nghi ngờ, mắc bệnh tại cột (3) theo tên bệnh.

2. Kiểm dịch y tế đối với phương tiện

STT	Tên cửa khẩu		Phương tiện hàng không (lượt)			Phương tiện đường bộ (lượt)			Phương tiện đường thủy (lượt)			Phương tiện đường sắt (lượt)			Ghi chú
			Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	
1	Nhập cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
...	Xuất cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
...	Quá cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
...	Nhập cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
...	Xuất cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
...	Quá cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
Tổng số	Nhập cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
	Xuất cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													
	Quá cảnh	Tổng số													
		Cộng dồn													

(14): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

3. Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa

STT	Tên cửa khẩu		Bưu phẩm/Bưu kiện (gói/kiện)		Hàng hóa khác (tán)			Ghi chú	
			Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Trọng lượng	Số kiểm tra		Số xử lý
	(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhập khẩu	Tổng số Cộng dồn							
...	Xuất khẩu	Tổng số Cộng dồn							
...	Quá cảnh	Tổng số Cộng dồn							
...	Nhập khẩu	Tổng số Cộng dồn							
...	Xuất khẩu	Tổng số Cộng dồn							
...	Quá cảnh	Tổng số Cộng dồn							
	Nhập khẩu	Tổng số Cộng dồn							
	Xuất khẩu	Tổng số Cộng dồn							
	Quá cảnh	Tổng số Cộng dồn							
Tổng số									

(8): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

4. Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt

STT	Tên cửa khẩu		Thi thể			Hài cốt			Tro cốt			Ghi chú
			Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nhập	Tổng số Cộng dồn										
...	Xuất	Tổng số Cộng dồn										
	Quá cảnh	Tổng số Cộng dồn										
...	Nhập	Tổng số Cộng dồn										
	Xuất	Tổng số Cộng dồn										
	Quá cảnh	Tổng số Cộng dồn										
	Nhập	Tổng số Cộng dồn										
	Xuất	Tổng số Cộng dồn										
	Quá cảnh	Tổng số Cộng dồn										
	Tổng số	Tổng số Cộng dồn										
		Tổng số Cộng dồn										

(11): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

5. Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người

STT	Tên cửa khẩu	Mẫu vi sinh y học (lượt)		Sản phẩm sinh học (lượt)		Mô, bộ phận cơ thể người (lượt)			Ghi chú		
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng		Số kiểm tra	Số xử lý
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nhập	Tổng số									
	Xuất	Cộng dồn									
...	Quá cảnh	Tổng số									
	Nhập	Cộng dồn									
...	Xuất	Tổng số									
	Quá cảnh	Cộng dồn									
	Nhập	Tổng số									
	Xuất	Cộng dồn									
	Quá cảnh	Tổng số									
	Nhập	Cộng dồn									
	Xuất	Tổng số									
	Quá cảnh	Cộng dồn									

(11): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

6. Nhận xét, kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

- Cục Y tế dự phòng;
- Viện....;
- Sở Y tế...;
- Lưu:....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 4
MẪU BÁO CÁO SÁU THÁNG, CHÍN THÁNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
SỞ Y TẾ...
TRUNG TÂM...
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....
, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ... THÁNG

1. Kiểm dịch y tế đối với người

STT	Tên cửa khẩu (1)	Tổng số (lượt) (2)	Số kiểm tra (lượt)		Số phải xử lý y tế và áp dụng biện pháp dự phòng (lượt) (5)	Ghi chú (6)
			Tổng số (3)	Số nghi ngờ, mắc bệnh (4)		
1	Nhập cảnh					
	Xuất cảnh					
	Quá cảnh					
...	Nhập cảnh					
	Xuất cảnh					
	Quá cảnh					
Tổng số	Nhập cảnh					
	Xuất cảnh					
	Quá cảnh					

(6): ghi rõ số lượng nghi ngờ, mắc bệnh tại cột (4) theo tên bệnh.

Nhận xét, kiến nghị:.....

2. Kiểm dịch y tế đối với phương tiện

STT	Tên cửa khẩu	Phương tiện hàng không (lượt)			Phương tiện đường bộ (lượt)			Phương tiện đường thủy (lượt)			Phương tiện đường sắt (lượt)			Ghi chú
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nhập cảnh Xuất cảnh Quá cảnh													
2	Nhập cảnh Xuất cảnh Quá cảnh													
...														
	Tổng số													

(14): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:.....

3. Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa

STT	Tên cửa khẩu	Bưu phẩm/Bưu kiện (gói/kiện)		Hàng hóa khác (tấn)		Ghi chú		
		Số lượng	Số kiểm tra	Trọng lượng	Số kiểm tra			
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhập khẩu							
	Xuất khẩu							
	Quá cảnh							
2	Nhập khẩu							
	Xuất khẩu							
	Quá cảnh							
...	Nhập khẩu							
	Xuất khẩu							
	Quá cảnh							
Tổng số	Nhập khẩu							
	Xuất khẩu							
	Quá cảnh							

(8): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

4. Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt

STT	Tên cửa khẩu	Thi thể			Hài cốt			Tro cốt			Ghi chú
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nhập Xuất Quá cảnh										
2	Nhập Xuất Quá cảnh										
...	Nhập Xuất Quá cảnh										
	Tổng số										

(11): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:

5. Kiểm dịch y tế đối với mẩu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người

STT	Tên cửa khẩu	Mẫu vi sinh y học (lượt)			Sản phẩm sinh học (lượt)			Mô, bộ phận cơ thể người (lượt)			Ghi chú
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nhập Xuất Quá cảnh										
2	Nhập Xuất Quá cảnh										
...	Nhập Xuất Quá cảnh										
	Tổng số										

(11): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:.....

6. Tiêm chủng (gồm cả tiêm chủng dịch vụ)

STT	Tên bệnh	Tên vắc xin	Số lượng người được sử dụng	Ghi chú
1
2
3
...

7. Giám sát dịch bệnh tại khu vực cửa khẩu

STT	Tên cửa khẩu	Giám sát trung gian truyền bệnh		Giám sát điều kiện vệ sinh môi trường		Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm				
		Mật độ chuột	Chỉ số bọ chét	Mật độ muỗi	Số lần giám sát	Số lần đạt tiêu chuẩn	Số lượng cơ sở dịch vụ đã được giám sát (khách sạn, nhà hàng...)	Số lượng cơ sở sản xuất, chế biến, cung ứng thực phẩm đã được giám sát	Đạt tiêu chuẩn	Không đạt
1
2
...

8. Xét nghiệm

STT	Loại xét nghiệm	Số lượng mẫu	Đạt tiêu chuẩn (%)	Ghi chú
1	Nước ăn, uống
2	Nước sinh hoạt
3	Thực phẩm
...

9. Kinh phí

STT	Nguồn kinh phí	Đơn vị tính (triệu VNĐ)
1	Nguồn Trung ương cấp	
2	Nguồn địa phương cấp	
3	Nguồn thu phí	
4	Nguồn hợp pháp khác	
Tổng số		

(Đối với các Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh chỉ báo cáo nguồn thu phí từ hoạt động kiểm dịch y tế).

10. Các hoạt động khác:

.....

11. Nhận xét, kiến nghị chung:

.....

Nơi nhận:

- Cục Y tế dự phòng;
- Viện.....;
- Sở Y tế..;
- Lưu:.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 5
MẪU BÁO CÁO NĂM KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

SỞ Y TẾ...
TRUNG TÂM...
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...
, ngày... tháng... năm...

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ NĂM...

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin về cửa khẩu

STT	Tên cửa khẩu	Đường bộ			Đường sắt	Đường hàng không	Đường thủy		Hoạt động kiểm dịch y tế		Phòng cách ly	
		Cửa khẩu quốc tế	Cửa khẩu chính	Cửa khẩu phụ			Loại I	Loại II	Có	Không	Có	Không
1
2
3
...
Tổng cộng	

2. Thông tin về nhân lực

a) Tổng số cán bộ:... người

Trong đó:

- Biên chế..... người

- Hợp đồng..... người

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH

1. Kiểm dịch y tế đối với người

STT	Tên cửa khẩu (1)	Tổng số (lượt) (2)	Số kiểm tra (lượt)		Số phải xử lý y tế và áp dụng biện pháp dự phòng (lượt) (5)	Ghi chú (6)
			Tổng số (3)	Số nghi ngờ, mắc bệnh (4)		
1	Nhập cảnh Xuất cảnh Quá cảnh					
...	Nhập cảnh Xuất cảnh Quá cảnh					
	Tổng số					

(6): ghi rõ số lượng nghi ngờ, mắc bệnh tại cột (4) theo tên bệnh.

Nhận xét, kiến nghị:.....

.....

2. Kiểm dịch y tế đối với phương tiện

STT	Tên cửa khẩu	Phương tiện hàng không (lượt)		Phương tiện đường bộ (lượt)			Phương tiện đường thủy (lượt)			Phương tiện đường sắt (lượt)			Ghi chú	
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra		Số xử lý
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nhập cảnh													
	Xuất cảnh													
	Quá cảnh													
2	Nhập cảnh													
	Xuất cảnh													
	Quá cảnh													
...	Nhập cảnh													
	Xuất cảnh													
	Quá cảnh													
	Tổng số													

(14): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:.....

.....

3. Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa

STT	Tên cửa khẩu	Bưu phẩm/Bưu kiện (gói/kiện)		Hàng hóa khác (tấn)			Ghi chú	
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Trọng lượng	Số kiểm tra		Số xử lý
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nhập khẩu Xuất khẩu Quá cảnh							
2	Nhập khẩu Xuất khẩu Quá cảnh							
...								
	Tổng số							

(8): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

4. Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt

STT	Tên cửa khẩu	Thi thể			Hài cốt			Tro cốt			Ghi chú
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nhập										
	Xuất										
	Quá cảnh										
2	Nhập										
	Xuất										
	Quá cảnh										
...	Nhập										
	Xuất										
	Quá cảnh										
	Tổng số										
	Xuất										
	Quá cảnh										

(11): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:.....

.....

5. Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người

STT	Tên cửa khẩu	Mẫu vi sinh y học (lượt)			Sản phẩm sinh học (lượt)			Mô, bộ phận cơ thể người (lượt)			Ghi chú
		Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	Số lượng	Số kiểm tra	Số xử lý	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
1	Nhập Xuất Quá cảnh										
2	Nhập Xuất Quá cảnh										
...	Nhập Xuất Quá cảnh										
	Tổng số										

(11): ghi rõ lý do phải xử lý y tế, các biện pháp xử lý y tế đã triển khai.

Nhận xét, kiến nghị:

.....

6. Tiêm chủng (gồm cả tiêm chủng dịch vụ)

STT	Tên bệnh	Tên vắc xin	Số lượng người được sử dụng	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

7. Giám sát dịch bệnh tại khu vực cửa khẩu

STT	Tên cửa khẩu	Giám sát trung gian truyền bệnh		Giám sát điều kiện vệ sinh môi trường		Giám sát vệ sinh an toàn thực phẩm				
		Mật độ chuột	Chỉ số bọ chét	Mật độ muỗi	Số lần đạt tiêu chuẩn	Số lần giám sát	Số lượng cơ sở dịch vụ đã được giám sát (khách sạn, nhà hàng...)	Số lượng cơ sở sản xuất, chế biến, cung ứng thực phẩm đã được giám sát	Đạt tiêu chuẩn	Không đạt
1										
2										
...										

8. Xét nghiệm

STT	Loại xét nghiệm	Số lượng mẫu	Đạt tiêu chuẩn (%)	Ghi chú
1	Nước ăn, uống			
2	Nước sinh hoạt			
3	Thực phẩm			
...				

9. Công tác truyền thông

STT	Hình thức truyền thông	Nội dung	Đối tượng	Kết quả
1	Tư vấn			Số người tham dự.....
2	Nói chuyện			Số người tham dự.....
3	Phát thanh			Số buổi:.....
4	Pano			Cái:.....
5	Tờ rơi, tờ bướm			Tờ:.....
6	Khác			...

10. Nghiên cứu khoa học

STT	Tên đề tài	Thời gian thực hiện	Đề tài cấp	Lĩnh vực nghiên cứu
1				
2				
3				
...				

11. Hợp tác quốc tế

STT	Tên quốc gia đã hợp tác (ghi rõ địa phương)	Nội dung hợp tác
1		
2		
3		
...		

12. Hoạt động khác (nếu có):.....

III. KINH PHÍ

STT	Nguồn kinh phí	Đơn vị tính (triệu VNĐ)
1	Nguồn Trung ương cấp	
2	Nguồn địa phương cấp	
3	Nguồn thu phí	
4	Nguồn hợp pháp khác	
Tổng số		

(Đối với các Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh chi báo cáo nguồn thu phí từ hoạt động kiểm dịch y tế).

IV. NHẬN XÉT CHUNG (đánh giá so với cùng kỳ, những khó khăn, thuận lợi trong triển khai công tác)

.....

V. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

.....

Nơi nhận:

- Cục Y tế dự phòng;
- Viện.....;
- Sở Y tế..;
- Lưu:.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 6
MẪU BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ 6 THÁNG, NĂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế)
BỘ Y TẾ
VIỆN...
Số:../...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
, ngày.... tháng.... năm....

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KIỂM DỊCH Y TẾ...

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC KIỂM DỊCH Y TẾ

TT	Trình độ chuyên môn	Số lượng chuyên trách	Số lượng kiêm nhiệm
1
...
Tổng số			

II. HOẠT ĐỘNG ĐÃ THỰC HIỆN

1. Hoạt động chung

TT	Tên hoạt động	Nội dung	Số lượng (lượt, người, đề tài, tài liệu...)
1	Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn địa phương	1. ... 1. ... 1. ... 1.
2	Đào tạo, tập huấn	1. ... 1. ... 1. ... 1.
3	Nghiên cứu khoa học	1. ... 1. ... 1. ... 1.
4	Xây dựng tài liệu hướng dẫn chuyên môn, kỹ thuật	1. ... 1. ... 1. ... 1.
5	Hoạt động khác

2. Đánh giá các sự kiện khẩn cấp ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng

- 1. Sự kiện 1
 - Tên sự kiện:.....
 - Địa điểm:.....
 - Các biện pháp đã triển khai:.....
 - Kết quả:.....
- 2. Sự kiện...
 - ...

III. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN PHỤ TRÁCH (đánh giá so với cùng kỳ, những khó

khăn, thuận lợi trong triển khai công tác):

.....
.....

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

1. Đối với Viện

.....
.....

2. Đối với các đơn vị trên địa bàn phụ trách

.....
.....

Nơi nhận:

- Cục Y tế dự phòng;
- Viện... (để biết);
- Lưu:.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu)

Phụ lục 7**MẪU BÁO CÁO TRƯỜNG HỢP NGHI NGỜ, MẮC BỆNH TRUYỀN
NHIỄM NHÓM A TẠI KHU VỰC CỬA KHẨU***(Ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Y tế)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN**
TÊN ĐƠN VỊ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

..., ngày... tháng... năm...

**BÁO CÁO TRƯỜNG HỢP NGHI NGỜ, MẮC BỆNH TRUYỀN NHIỄM
NHÓM A TẠI KHU VỰC CỬA KHẨU**

STT	Nội dung
1	Họ và tên:..... Giới tính:..... Năm sinh (tuổi):.....
2	Quốc tịch:..... Số hộ chiếu/CMND:.....
3	Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh qua cửa khẩu:..... ... giờ, ngày..... tháng..... năm..... Phương tiện đi/đến..... số hiệu:.....
4	Nơi ở tại Việt Nam (nếu có):.....
5	Địa chỉ liên lạc:..... Email:..... Điện thoại:.....
6	1. Các quốc gia/vùng lãnh thổ đã đi qua trong vòng 15 ngày ngày..... tháng..... năm..... ngày..... tháng..... năm..... ...
7	Nghi ngờ, mắc bệnh (tên bệnh):.....

STT	Nội dung
8	Tiền sử dịch tễ (nguồn lây, thời gian tiếp xúc...) Ngày khởi phát:..... Triệu chứng lâm sàng:..... Chẩn đoán sơ bộ:..... Lấy mẫu xét nghiệm: Loại mẫu XN:..... Ngày lấy:..... Kết quả:..... Loại mẫu XN:..... Ngày lấy:..... Kết quả:..... Loại mẫu XN:..... Ngày lấy:..... Kết quả:..... Xử trí:.....
9	Liệt kê những loại vắc xin, biện pháp dự phòng đã áp dụng: 9.1. Tên vắc xin:..... Số lần dùng..... Ngày dùng gần nhất:..... 9.2....
10	Nơi tiếp nhận xử trí tiếp theo (nếu có):.....

11. Người tiếp xúc:

STT	Họ và tên	Quốc tịch	Số hộ chiếu/CMND	Điện thoại	Email
1
...

Nhận xét, đánh giá, đề xuất:.....

Nơi nhận:

- Cục Y tế dự phòng;
- Viện...;
- Sở Y tế...;
- ...
- Lưu:..

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu)

